

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 1: 通过这次夏令营, 我们学到了很多知识。

- A. 名词 B. 动词 C. 介词 D. 助词

Câu 2: 越南和中国的风俗习惯相仿佛。

- A. 副词 B. 名词 C. 动词 D. 形容词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 3: 植物会有像人一样的感情_____?

- A. 啦 B. 吗 C. 呢 D. 啊

Câu 4: 我们可不能不重视森林对环保问题的重要_____。

- A. 功用 B. 作用 C. 功能 D. 用途

Câu 5: 我们这儿的夏天_____你们那儿凉快多少。

- A. 不比 B. 相比 C. 相同 D. 比较

Câu 6: 她整容以后, 谁也_____。

- A. 认不出来她了 B. 认不出她来了 C. 认她不出来 D. 不认出她来了

Câu 7: _____ 明天下雨, 足球赛 _____ 要照常进行。

- A. 不管……也…… B. 虽然……可…… C. 哪怕……也…… D. 无论……也……

Câu 8: 明年的这个时候, 我们自己培养的学生就该毕业_____。

- A. 着 B. 过 C. 的 D. 了

Câu 9: 两国关系正朝_____21世纪共同繁荣的目标迈进。

- A. 了 B. 的 C. 过 D. 着

Câu 10: 谢谢大家来看我, 不_____送了, 慢走!

- A. 慢 B. 近 C. 快 D. 远

Câu 11: 王老师_____有几十年的工作经验了, 知道如何对待这样的学生。

- A. 总算 B. 还是 C. 甚至 D. 毕竟

Câu 12: 每跟他聊一次天, 我们都增添了_____生活的自信。

- A. 一番 B. 一片 C. 一份 D. 一块

Câu 13: 我_____不吃今天的晚饭, _____要把作业做完。

- A. 宁可……也不…… B. 宁可……也……
C. 因为……所以…… D. 不论……都……

Câu 14: 在春节_____, 我们打算回老家去一趟。

- A. 期间 B. 时期 C. 之间 D. 中间

Câu 15: 太晚了, 我_____吧。

- A. 把你们送回去宿舍 B. 送回去宿舍把你们
C. 把你们送回宿舍去 D. 把宿舍送回你们去

- Câu 16:** 他点点头, 很自信地说: “是的, 我的愿望_____就能实现了”。
- A. 马上 B. 顺便 C. 刚才 D. 差点儿
- Câu 17:** 人们_____在失去友谊之后, 才懂得它的珍贵。
- A. 只有 B. 不管 C. 如果 D. 只要
- Câu 18:** 张力_____中草药十分感兴趣。
- A. 让 B. 向 C. 于 D. 对
- Câu 19:** _____老师说得很慢, _____我们都听懂了。
- A. 只要……就…… B. 虽然……但是……
C. 尽管……但是…… D. 因为……所以……
- Câu 20:** 他总是忘我地工作, _____身体。
- A. 爱护过自己从没有好好的 B. 从没好好地爱护过自己的
C. 好好从没有自己爱护的过 D. 自己没好好爱护过从来的
- Câu 21:** 我们要时时刻刻_____眼睛, 使它免受伤害。
- A. 保护 B. 保证 C. 保卫 D. 保管
- Câu 22:** 随着科技的进步, 人民的生活水平不断_____提高了。
- A. 的 B. 得 C. 着 D. 地
- Câu 23:** 凭_____多年的研究经验, 他的试验取得成功了。
- A. 的 B. 了 C. 过 D. 着
- Câu 24:** 妈, 今天我跟姐要进城办点儿事, 说不准什么时候回来, 晚饭就别等_____了。
- A. 我们 B. 别人 C. 咱们 D. 人家
- Câu 25:** 司马光从小勤奋好学, 喜欢读书, _____立志要成为一个历史学家。
- A. 而 B. 并 C. 在 D. 于
- Câu 26:** 老师这么热心地帮助我, _____我非常感动。
- A. 被 B. 使 C. 给 D. 把
- Câu 27:** 我们学校决不能追求数量, 而_____了质量。
- A. 得到 B. 忽略 C. 获得 D. 追赶

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Câu 28:** 一来北京他们就要求我带他们去参观_____。
- A. 长盛 B. 长城 C. 长成 D. 长诚
- Câu 29:** 森林可以_____空气, 对人类健康很有好处。
- A. 争化 B. 静化 C. 挣化 D. 净化
- Câu 30:** 我们要尽量_____, 买什么都不能大手大脚。
- A. 结药 B. 节约 C. 节药 D. 结约

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ / cụm từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 31:** 你千万不要错过这次出国留学的好机会。
- A. 失去 B. 接受 C. 创造 D. 误解
- Câu 32:** 只要认真学习, 自然会取得好成绩。
- A. 当然 B. 随便 C. 顺便 D. 固然
- Câu 33:** 他们两个彼此关心, 很快就成了好朋友。
- A. 交换 B. 由于 C. 互相 D. 同样
- Câu 34:** 老李是我们公司的第一把手。
- A. 最高领导 B. 能干的人 C. 看门的人 D. 一名职员

Câu 35: 我等了半天, 他才不紧不慢地走了过来。

- A. 不快也不慢 B. 不太慢 C. 不着急 D. 不太快

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 36: Phiên âm đúng của từ 举世 là: _____ ŭshì.

- A. q B. n C. j D. x

Câu 37: Phiên âm đúng của từ 成长 là: chéng _____ ǎng.

- A. zh B. z C. ch D. c

Câu 38: Phiên âm đúng của từ 成就 là: _____.

- A. chéngjiù B. chéngjiū C. chèngjiū D. chèngjiù

Câu 39: Phiên âm đúng của từ 扩展 là: k _____ zhǎn.

- A. uàng B. uà C. uò D. òu

Câu 40: Phiên âm đúng của từ 保障 là: bǎozh _____.

- A. èn B. àn C. àng D. èng

Từ 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ / cụm từ trong ngoặc.

Câu 41: 我 **A** 跟 **B** 王林 **C** 在首都河内剧场 **D**. (见面)

Câu 42: **A** 他们 **B** 做得到, **C** 我们就做 **D** 不到吗? (难道)

Câu 43: **A** 一种语言都不是 **B** 轻易可以学好的, **C** 我们一定要下 **D** 苦功夫。(任何)

Câu 44: 让他 **A** 干什么 **B** 他都是 **C** 这么 **D** 样子。(快快乐乐的)

Câu 45: **A** 现在的年轻人 **B** 都 **C** 受过西方文化的 **D** 影响。(或多或少)

Đọc kỹ đoạn văn sau và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho mỗi câu từ 46 đến 50.

香蕉是我们生活中常见的水果。但是您知道吗? 香蕉几乎含有所有的维生素和矿物质, 因此从香蕉中我们可以很容易得到各种营养。多吃香蕉有消除疲劳、减肥的功效; 另外, 最近的研究表明, 香蕉还具有预防癌症的效果。西红柿是一种蔬菜, 也可以当作一种水果吃, 生吃或者烹调味道都很不错。由于它不仅好吃, 而且具有丰富的营养价值, 因此西红柿又被称为“神奇的菜中之果”。现在研究还表明: 西红柿含有丰富的维生素 C, 因此它还是一种天然的防癌食品。每天吃一个新鲜的西红柿, 可防衰老。

(选自 HSK-北京语言大学出版社)

Câu 46: 下面哪种说法是不正确的?

- A. 维生素C可以防癌 B. 每天吃一个西红柿可以使人年轻
C. 香蕉中不含维生素 D. 香蕉有防癌的作用

Câu 47: 短文中的“防癌”的意思是什么?

- A. 预防癌症 B. 治疗癌症 C. 控制癌症 D. 减少癌症

Câu 48: 香蕉对身体有什么好处?

- A. 可以增加体重 B. 可以减肥、消除疲劳
C. 不可以减肥 D. 不可以消除疲劳

Câu 49: 以下哪项是作者的观点?

- A. 香蕉和西红柿都很有营养 B. 香蕉比西红柿有营养
C. 西红柿比香蕉有营养 D. 香蕉和西红柿都是水果

Câu 50: 西红柿被称为“神奇的菜中之果”的原因是:

- A. 除了防癌, 还可以防衰老 B. 既是蔬菜又是水果
C. 含有丰富的维生素 D. 不但好吃, 而且营养丰富

----- HẾT -----